

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06-5-2024

*V/v Ly hôn giữa anh Thọ và chị
Huyền*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư

2. Bà Nguyễn Thị Biên

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Chu Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 02/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXX-ST ngày 02 tháng 4 năm 2024, giữa:

* Nguyên đơn: Anh **Dương Văn T**, sinh năm 1991 (Xin vắng mặt)

* Bị đơn: Chị **Dương Thị H**, sinh năm 1991 (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: **Số nhà A, đường V, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/12/2023, các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh **Dương Văn T** trình bày: Anh và chị **Dương Thị H** đăng ký kết hôn ngày 14/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh về chung sống với nhau ngay. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng phát sinh từ năm 2023, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói

chung. Mặc dù vẫn chung sống cùng nhà nhưng vợ chồng anh không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị **H**.

Về con chung: Anh và chị **H** có 03 con chung là cháu **Dương Bảo A**, sinh ngày 10/11/2014, **Dương Quang M**, sinh ngày 09/4/2019 và cháu **Dương Thùy A1**, sinh ngày 09/02/2021, các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Sau khi ly hôn anh đề nghị được nuôi cả 3 con và yêu cầu chị **H** cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/cháu kể từ ngày 01/3/2024 dương lịch đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hiện nay anh là Bác sĩ, công tác tại **Bệnh viện S**, thu nhập trung bình 16 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện để nuôi các con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng anh không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn, chị **Dương Thị H** có lời khai trình bày về thời gian kết hôn và quá trình chung sống đúng như anh **T** trình bày. Vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017, nguyên nhân chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, chị mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh **T** cương quyết xin ly hôn thì chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là cháu **Dương Bảo A**, sinh ngày 10/11/2014; **Dương Quang M**, sinh ngày 09/4/2014 và cháu **Dương Thùy A1**, sinh ngày 09/02/2021, các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Sau khi ly hôn anh **T** đề nghị được nuôi cả 3 con và yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/cháu kể từ ngày 01/3/2024 dương lịch đến khi các cháu đủ 18 tuổi chị nhất trí.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phía các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, cả nguyên đơn và bị đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh **Dương Văn T** được ly hôn chị **Dương Thị H**.

- Về nuôi con chung: Giao cho anh **Dương Văn T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 con chung là cháu **Dương Bảo A**, sinh ngày 10/11/2014; **Dương Quang M**, sinh ngày 09/4/2019 và cháu **Dương Thùy A1**, sinh ngày 09/02/2021.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **H** có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng/cháu kể từ tháng 3/2024 đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Ngoài ra còn đề xuất giải quyết về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh **Dương Văn T** có đơn xin ly hôn chị **Dương Thị H**. Chị **H** đăng ký hộ khẩu thường trú tại **phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang** nên quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Anh **Dương Văn T** là nguyên đơn và chị **Dương Thị H** là bị đơn đều xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Dương Văn T** và chị **Dương Thị H** đăng ký kết hôn ngày 14/5/2014 tại **Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang** trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện nên hôn nhân giữa anh **T** và chị **H** là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên anh **T** và chị **H** đã chấm dứt quan hệ tình cảm và kinh tế, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay anh **T** xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được và cương quyết xin ly hôn. Chị **H** cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, chị mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nếu anh **T** cương quyết xin ly hôn thì chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa anh **T** và chị **H** đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Cho anh **Dương Văn T** được ly hôn chị **Dương Thị H**.

[3] Về con chung: Anh Dương Văn T và chị Dương Thị H có 03 con chung là cháu Dương Bảo A, sinh ngày 10/11/2014; Dương Quang M, sinh ngày 09/4/2019 và cháu Dương Thùy A1, sinh ngày 09/02/2021. Anh T có nguyện vọng được nuôi cả 3 con chung, cháu Bảo A cũng có nguyện vọng được ở với anh T và chị H cũng đồng ý. Anh T là Bác sĩ, có thu nhập ổn định nên để bảo quyền lợi cho con chưa thành niên cần căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cả 3 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Anh T yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng/cháu kể từ tháng 3/2024 đến khi các con chung đủ 18 tuổi, chị H cũng nhất trí nên chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, xác nhận anh T đã nộp đủ, chị H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Dương Văn T được ly hôn chị Dương Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Dương Văn T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 03 con chung là cháu Dương Bảo A, sinh ngày 10/11/2014; Dương Quang M, sinh ngày 09/4/2019 và cháu Dương Thùy A1, sinh ngày 09/02/2021.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng/cháu kể từ tháng 3/2024 đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí: Anh Dương Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tại Biên lai thu

tiền tạm ứng án phí số 0001538 ngày 02/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Chị **Dương Thị H** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thành phố Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS thành phố Bắc Giang;
- UBND xã Liên Chung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
- Các đương sự.
- Lưu Hồ sơ vụ án.
- Công thông tin điện tử Tòa án tối cao

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Thu Thủy